

Họ và tên thí sinh:..... SBD:

MÃ ĐỀ THI

101

A. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (14,0 điểm).

Câu 1. Tiến hành thí nghiệm co và phản co nguyên sinh của tế bào thực vật để:

- A. xác định tế bào thực vật còn sống hay đã chết
- B. tìm hiểu các thành phần chính của tế bào
- C. chứng minh khả năng vận chuyển chủ động của tế bào.
- D. tìm hiểu khả năng vận động của tế bào

Câu 2. Điều nào dưới đây **không** đúng về sự giống nhau giữa carbohydrate và lipid?

- A. Là nguồn dự trữ và cung cấp năng lượng cho tế bào.
- B. Cấu tạo từ các nguyên tố C, H, O.
- C. Đường và lipid có thể chuyển hóa cho nhau.
- D. Cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

Câu 3. Người uống nhiều rượu, bia, trong tế bào gan của họ có bào quan nào phát triển hơn nhiều so với ở người không uống rượu?

- A. Lưới nội chất trơn.
- B. Ribosome.
- C. Bộ máy Golgi.
- D. Ti thể.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây là **sai** khi nói về học thuyết tế bào hiện đại?

- A. Tế bào chỉ được sinh ra từ sự phân chia các tế bào có trước.
- B. Sự sống được tiếp diễn do có sự chuyên hoá và sự di truyền xảy ra bên trong các tế bào.
- C. Tất cả mọi sinh vật đều được cấu tạo từ nhiều tế bào.
- D. Tế bào là đơn vị nhỏ nhất, đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật.

Câu 5. Khi cho tế bào thực vật vào một loại dung dịch, một lát sau tế bào có hiện tượng co nguyên sinh. Nguyên nhân của hiện tượng này là:

- A. Dung dịch có nồng độ chất tan thấp hơn nồng độ dịch tế bào.
- B. Dung dịch có nồng độ chất tan bằng nồng độ dịch tế bào.
- C. Dung dịch có nồng độ chất tan cao hơn nồng độ dịch tế bào.
- D. Phản ứng tự vệ của tế bào trong môi trường lạ.

Câu 6. Trong môi trường nhược trương, tế bào có nhiều khả năng sẽ bị vỡ ra là

- A. tế bào vi khuẩn
- B. tế bào nấm
- C. tế bào thực vật
- D. tế bào động vật

Câu 7. Vì sao cùng một tín hiệu nhưng các tế bào lại có thể tạo ra các đáp ứng khác nhau?

- A. Do các hình dạng, kích thước và thông tin di truyền ở các tế bào là khác nhau.
- B. Do khoảng cách từ tế bào tiết đến các tế bào đích là khác nhau.
- C. Do sự dẫn truyền tín hiệu đến các tế bào đích là một quá trình ngẫu nhiên và có thể phát sinh đột biến.
- D. Do các loại thụ thể, con đường truyền tín hiệu và các protein đáp ứng ở các tế bào là khác nhau.

Câu 8. Câu nào sau đây **sai** khi nói về đặc điểm của protein?

- A. Các loại amino acid khác nhau ở gốc R.
- B. Tính đa dạng và đặc thù của protein quy định bởi sự sắp xếp của 22 loại amino acid.
- C. Là sản phẩm cuối cùng của gene tham gia thực hiện nhiều chức năng khác nhau trong cơ thể.
- D. Protein cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, mỗi đơn phân là một amino acid.

Câu 9. Quan sát tiêu bản của tế bào thực vật cho thấy nhân tế bào thường nằm lệch về một phía. Đặc điểm nào của tế bào thực vật giải thích cho hiện tượng này?

- A. Tế bào thực vật có bộ máy Golgi lớn.
- B. Tế bào thực vật có nhiều lục lạp.

- C. Tế bào thực vật có không bào trung tâm lớn.
- D. Tế bào thực vật có hệ thống lưới nội chất lớn.

Câu 10. Trình tự nào dưới đây là đúng khi mô tả về quy trình làm tiêu bản và quan sát tế bào nhân sơ?

- A. Nhuộm mẫu → Cố định mẫu → Rửa mẫu nhuộm → Quan sát tiêu bản.
- B. Nhuộm mẫu → Cố định mẫu → Quan sát tiêu bản → Rửa mẫu nhuộm.
- C. Cố định mẫu → Nhuộm mẫu → Quan sát tiêu bản → Rửa mẫu nhuộm.
- D. Cố định mẫu → Nhuộm mẫu → Rửa mẫu nhuộm → Quan sát tiêu bản.

Câu 11. Cholesterol có chức năng gì trong màng sinh chất?

- A. Tăng độ linh hoạt tổng mô hình khảm động.
- B. Tăng tính ổn định cho màng.
- C. Tạo nên các lỗ nhỏ trên màng giúp hình thành nên các kênh vận chuyển qua màng.
- D. Tiếp nhận và xử lý thông tin truyền đạt vào tế bào.

Câu 12. Nhân điều khiển mọi hoạt động trao đổi chất của tế bào bằng cách nào?

- A. Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.
- B. Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.
- C. Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.
- D. Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.

Câu 13. Một học sinh tiến hành các bước làm tiêu bản vi khuẩn nhưng khi đưa tiêu bản đã làm lên kính hiển vi để quan sát thì không quan sát được hình ảnh của vi khuẩn. Theo em, bạn đó có thể đã làm sai bước nào trong quy trình làm tiêu bản?

- A. Nhuộm mẫu vật hoặc rửa mẫu nhuộm.
- B. Dàn mỏng mẫu và nhuộm mẫu vật.
- C. Cố định mẫu hoặc rửa mẫu nhuộm.
- D. Cố định mẫu hoặc nhuộm mẫu vật.

Câu 14. Vì sao ở nhiệt độ thường, dầu thực vật ở trạng thái lỏng?

- A. Vì dầu thực vật chứa hàm lượng khá lớn các gốc acid béo không no.
- B. Vì dầu thực vật chứa chủ yếu các gốc acid béo thơm.
- C. Vì dầu thực vật chứa chủ yếu các gốc acid béo no.
- D. Vì dầu thực vật dễ nóng chảy, nhẹ hơn nước và không tan trong nước.

Câu 15. Đối với các phân tử có kích thước lớn như DNA, tế bào đưa vào bên trong màng theo cách nào sau đây?

- A. vận chuyển thụ động.
- B. vận chuyển chủ động.
- C. ẩm bào.
- D. thực bào.

Câu 16. Protein **không** có chức năng nào sau đây?

- A. Cấu tạo nên một số loại hoocmon.
- B. Điều hòa thân nhiệt.
- C. Cấu trúc nên hệ thống màng tế bào.
- D. Tạo nên kênh vận động chuyển các chất qua màng.

Câu 17. Đem loại bỏ thành tế bào của các loại vi khuẩn có hình dạng khác nhau, sau đó cho các tế bào trần này vào dung dịch có nồng độ các chất tan bằng nồng độ các chất tan có trong tế bào thì các tế bào trần này sẽ có hình gì?

- A. Hình vuông.
- B. Hình bầu dục.
- C. Hình cầu.
- D. Hình chữ nhật.

Câu 18. Những bộ phận nào của tế bào tham gia việc vận chuyển một protein ra khỏi tế bào?

- A. Riboxom, bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.
- B. Lưới nội chất hạt, bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.
- C. Lưới nội chất trơn, bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.
- D. Bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.

Câu 19. Phân tử tín hiệu nào sau đây có thụ thể phân bố trên màng tế bào?

- A. Aldosteron
- B. Testosterone.
- C. Insulin.
- D. Estrogen.

Câu 20. Tính phân cực của nước là do

- A. oxygen có khả năng hút điện tử cao hơn nhiều so với hydrogen.
- B. hydrogen có khả năng hút điện tử cao hơn nhiều so với oxygen.
- C. cặp electron trong mỗi liên kết O - H bị kéo lệch về phía hydrogen.
- D. nguyên tử khối của oxygen lớn hơn hydrogen.

Câu 21. Khi nói về enzym, cho các nhận định sau:

- (1) Mỗi enzym có thể xúc tác cho nhiều cơ chất khác nhau.
- (2) Sau khi xúc tác cho các phản ứng, cấu hình không gian của enzym không bị biến đổi.
- (3) Hoạt tính của enzym tỉ lệ thuận với nhiệt độ.
- (4) Chỉ cần một lượng nhỏ enzym và trong thời gian rất ngắn phản ứng đã hoàn thành.
- (5) Enzym và chất xúc tác cơ học hoàn toàn giống nhau.

Phát biểu đúng là

- A. (1), (3), (4).
- B. (2), (4)
- C. (1), (4), (5)
- D. (2), (3).

Câu 22. Chỉ cần một loại enzym nào đó không hoạt động thì sẽ gây bệnh rối loạn chuyển hóa, nguyên nhân là do sự thiếu vắng của enzym này sẽ làm cho:

- A. tế bào không diễn ra các hoạt động sống và bị chết.
- B. tất cả các quá trình trao đổi chất trong tế bào bị ngưng trệ.
- C. dư thừa nguyên liệu và thiếu sản phẩm của phản ứng.
- D. các phản ứng sinh hóa ở trong tế bào không diễn ra.

Câu 23. Cho các ý sau:

- (1) Chỉ gồm một chuỗi polynucleotide.
- (2) Cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.
- (3) Có bốn loại đơn phân: A, U, G, C.
- (4) Các đơn phân liên kết theo nguyên tắc bổ sung.
- (5) Luôn có liên kết phosphodiester trong cấu trúc phân tử.

Trong các ý trên, có bao nhiêu ý là đặc điểm cấu trúc chung của cả ba loại ARN?

- A. 3.
- B. 5.
- C. 4.
- D. 2.

Câu 24. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sự ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt tính của enzyme?

- A. Độ pH càng thấp thì hoạt tính của enzyme càng tăng.
- B. Nhiệt độ càng cao thì hoạt tính của enzyme càng tăng.
- C. Với một lượng enzyme không đổi, nồng độ cơ chất tăng thì hoạt tính của enzyme cũng tăng cho tới khi đạt ngưỡng.
- D. Với một lượng cơ chất không đổi, nồng độ enzyme càng cao thì hoạt tính của enzyme càng tăng.

Câu 25. Cho các ý sau đây:

- (1) Có cấu tạo tương tự như cấu tạo của màng tế bào.
- (2) Là một hệ thống ống và xoang phân nhánh thông với nhau.
- (3) Phân chia tế bào chất thành các xoang nhỏ (tạo ra sự xoang hóa).
- (4) Có chứa hệ enzym làm nhiệm vụ tổng hợp lipid.
- (5) Có chứa hệ enzym làm nhiệm vụ tổng hợp protein.

Trong các ý trên có mấy ý là đặc điểm chung của mạng lưới nội chất trơn và mạng lưới nội chất hạt?

- A. 4.
- B. 3.
- C. 5.
- D. 2.

Câu 26. Sự khác nhau cơ bản giữa quang hợp và hô hấp là

- A. sản phẩm $C_6H_{12}O_6$ của quá trình quang hợp là nguyên liệu của quá trình hô hấp.
- B. quang hợp là quá trình tổng hợp, tích lũy năng lượng, còn hô hấp là quá trình phân giải, giải phóng năng lượng.
- C. quang hợp xảy ra ở thực vật, hô hấp xảy ra ở động vật.
- D. đây là 2 quá trình ngược chiều nhau.

Câu 27. Cho các nhận định nào sau đây về truyền tin tế bào.

- (1). Truyền tin tế bào là sự phát tán và nhận các phân tử tín hiệu qua lại giữa các tế bào.
- (2). Giúp tế bào trả lời các kích thích từ môi trường và điều hòa mọi hoạt động sống.
- (3). Kết quả của quá trình truyền tín hiệu là sự đáp ứng của tế bào trước thông tin mà nó nhận được.
- (4). Tế bào chỉ tiếp nhận tín hiệu bằng các thụ thể nằm trong tế bào chất.

Số nhận định đúng là:

A. 4.

B. 3.

C. 1.

D. 2.

Câu 28. Cho các nhận định sau:

- (1) Cellulose tham gia cấu tạo màng tế bào.
- (2) Glycogen là chất dự trữ của cơ thể động vật và nấm.
- (3) Glucose là nguyên liệu chủ yếu cho hô hấp tế bào.
- (4) Chitin cấu tạo bộ xương ngoài của côn trùng.
- (5) Tinh bột là chất dự trữ trong cây.

Trong các nhận định trên có bao nhiêu nhận định **đúng** với vai trò của carbohydrate trong tế bào và cơ thể?

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

Câu 29. Hormone steroid được sản xuất bởi buồng trứng để kích thích sự phát triển và duy trì hệ thống sinh tính cái và đặc điểm giới tính thứ cấp có liên quan đến kiểu truyền tin tế bào nào?

A. Truyền tin cận tiết.

B. Truyền tin qua synapse.

C. Truyền tin trực tiếp.

D. Truyền tin nội tiết.

Câu 30. Tế bào có thể tự điều chỉnh quá trình chuyển hóa vật chất bằng cách điều chỉnh

A. hoạt tính của enzym.

B. độ pH.

C. nồng độ cơ chất.

D. nhiệt độ.

Câu 31. Pyruvic là sản phẩm cuối của quá trình đường phân. Vậy phát biểu nào dưới đây đúng?

A. Trong 2 phân tử Pyruvic có ít năng lượng hơn trong 1 phân tử glucôzơ.

B. Pyruvic là 1 chất oxi hoá mạnh hơn CO₂.

C. Trong 6 phân tử CO₂ có nhiều năng lượng hơn trong 1 phân tử Glucôzơ.

D. Trong 6 phân tử CO₂ có nhiều năng lượng hơn trong 2 phân tử Pyruvic.

Câu 32. Qua chu trình Crep, mỗi phân tử axêtyl- CoA được ôxi hóa hoàn toàn sẽ tạo ra bao nhiêu phân tử CO₂?

A. 2 phân tử.

B. 4 phân tử.

C. 3 phân tử.

D. 1 phân tử.

Câu 33. Trình tự sắp xếp các nucleotide trên mạch 1 của một đoạn phân tử ADN xoắn kép là

- ATTTGGGCCCCGAGGC -. Tổng số liên kết hydrogen của đoạn ADN này là:

A. 40.

B. 50.

C. 20.

D. 30.

Câu 34. Khi cho tế bào thực vật vào môi trường X, tế bào xảy ra hiện tượng co nguyên sinh. Nhận định nào sau đây về môi trường X là đúng?

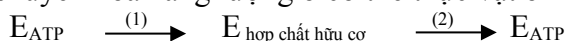
A. X là môi trường nhược trương.

B. X là môi trường đẳng trương.

C. X là dung dịch nước muối.

D. X là môi trường ưu trương.

Câu 35. Sự chuyển hóa năng lượng ở cơ thể thực vật ở 1 số giai đoạn được biểu diễn như sau:



Nhận định nào dưới đây là **đúng**?

A. Quá trình (1) là pha sáng quang hợp; (2) Quá trình hô hấp.

B. Quá trình (1) là pha tối quang hợp; (2) Quá trình hô hấp.

C. Quá trình (1) là pha sáng quang hợp; (2) Quá trình quang hợp.

D. Quá trình (1) là pha tối quang hợp; (2) Quá trình quang hợp.

Câu 36. Cho các vai trò sau:

- (1) Là nguồn cung cấp và dự trữ năng lượng của tế bào và cơ thể.
- (2) Tham gia cấu tạo nên một số thành phần của tế bào và cơ thể.
- (3) Tham gia cấu tạo nên vật chất di truyền của tế bào.
- (4) Chứa đựng, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền.

Số vai trò của carbohydrate là

A. 1.

B. 3.

C. 2.

D. 4.

Câu 37. Màng tế bào có chức năng quan trọng trong việc duy trì sự sống ở cấp độ tế bào. Có bao nhiêu chức năng chính của màng?

- (1) Ngăn cách phần tế bào chất với môi trường bên ngoài.
- (2) Đảm bảo cho các cấu trúc tế bào cũng như môi trường bên trong tế bào không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bất lợi của môi trường.
- (3) Màng tế bào có tính thẩm chọn lọc, chỉ cho những chất nhất định ra vào tế bào.

(4) Tiếp nhận thông tin từ môi trường và truyền tín hiệu vào trong tế bào.

(5) Quy định hình dạng tế bào phù hợp với chức năng của chúng.

A. 2.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

Câu 38. Chất ức chế cạnh tranh làm giảm hoạt tính xúc tác của enzyme bằng cách nào sau đây?

A. Bám vào trung tâm hoạt động của enzyme do có cấu hình tương tự với cơ chất.

B. Sử dụng hết cơ chất của enzyme nên enzyme không có cơ chất để xúc tác.

C. Ngăn không cho enzyme giải phóng sản phẩm.

D. Ngăn cản sự cạnh tranh giữa các enzyme với nhau.

Câu 39. Tính đặc hiệu của enzyme được quy định bởi

A. cofactor của enzyme.

B. điểm hoạt hóa của enzyme.

C. trung tâm hoạt động của enzyme.

D. điểm ức chế của enzyme.

Câu 40. Sự truyền tin giữa các tế bào trong cơ thể đa bào có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giúp đảm bảo tính thống nhất để cùng duy trì hoạt động sống của cơ thể.

B. Giúp cho các tế bào phản ứng đồng loạt trước một tác nhân kích thích.

C. Giúp đảm bảo tính độc lập để duy trì hoạt động sống của cơ thể.

D. Giúp cho các tế bào tập trung lại với nhau khi điều kiện sống không thuận lợi.

B. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 1. (1,5 điểm)

Kể tên 3 loại cấu trúc có chứa prôtêin và axit nuclêic ở tế bào động vật? Phân biệt các axit nuclêic có trong ba loại cấu trúc đó.

Câu 2. (2,5 điểm)

a. Khi quả lê chín, chất điều hòa tăng trưởng thực vật ethylen(C_2H_4) được tạo ra, ethylen kích thích tổng hợp enzyme cellulase phân hủy vách tế bào thúc nhanh quá trình chín của quả và có thể truyền tín hiệu đến các tế bào, quả lân cận.

- Ethylen được vận chuyển qua màng bằng cách nào? Giải thích?

- Thụ thể của ethylen nằm ở đâu trong tế bào? Giải thích?

b. Epinephrin kích thích phân giải glycogen bằng cách hoạt hóa enzyme glycogen phosphorylase trong bào tương. Nếu epinephrin được trộn với glycogen phosphorylase và glycogen trong ống nghiệm thì glucozo -1- phosphat có được tạo ra không? Tại sao?

Câu 3 (2,0 điểm)

Các câu sau đúng hay sai. Nếu sai hãy chỉnh lại cho đúng.

a. Nguyên nhân chính làm cho các thực vật không ưa mặn không có khả năng sinh trưởng trên những loại đất có nồng độ muối cao là do thế nước của đất quá cao.

b. Vi khuẩn bị các tế bào bạch cầu thực bào và tiêu huỷ trong lizôxôm.

c. Tế bào vi khuẩn có thể bị phá vỡ khi đưa vào dung dịch quá nhược trương.

d. Tinh bột và xenlulozơ là nguồn nguyên liệu cung cấp năng lượng cho tế bào thực

----- HẾT -----

I. TRẮC NGHIỆM:

Đề\ câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
101	A	D	A	C	C	D	D	B	C	D	B	B	C	C	D	B	C	B	C	A
102	A	D	A	C	C	B	B	C	C	B	B	D	B	B	D	B	B	B	D	A
Đề\ câu	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4
101	B	C	C	C	B	B	B	D	D	A	A	A	A	D	B	C	B	A	C	A
102	C	C	C	B	B	B	D	D	B	C	A	D	C	A	D	A	B	A	A	B

II. TỰ LUẬN (6, 0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm												
1	Kể tên 3 loại cấu trúc có chứa prôtêin và axit nuclêic ở tế bào động vật? Phân biệt các axit nuclêic có trong ba loại cấu trúc đó.	1,5 điểm												
	<p>- 3 loại cấu trúc có chứa prôtêin và axit nuclêic ở tế bào động vật</p> <p>+ Ribôxôm (chứa rARN và prôtêin)</p> <p>+ Ti thể (chứa ADN vòng và prôtêin)</p> <p>+ Nhân tế bào (ADN và prôtêin).</p> <p>- Phân biệt các axit nuclêic có trong ba loại cấu trúc đó</p> <table border="1"> <tr> <td>rARN</td><td>ADN Ti thể</td><td>ADN nhân</td></tr> <tr> <td>Mạch đơn</td><td>Mạch kép</td><td>Mạch kép</td></tr> <tr> <td>Dạng cuộn xoắn</td><td>Dạng vòng</td><td>Dạng mạch thẳng</td></tr> <tr> <td>Đơn phân: A, U, G, X</td><td>Đơn phân: A, T, G, X</td><td>Đơn phân: A, T, G, X</td></tr> </table>	rARN	ADN Ti thể	ADN nhân	Mạch đơn	Mạch kép	Mạch kép	Dạng cuộn xoắn	Dạng vòng	Dạng mạch thẳng	Đơn phân: A, U, G, X	Đơn phân: A, T, G, X	Đơn phân: A, T, G, X	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
rARN	ADN Ti thể	ADN nhân												
Mạch đơn	Mạch kép	Mạch kép												
Dạng cuộn xoắn	Dạng vòng	Dạng mạch thẳng												
Đơn phân: A, U, G, X	Đơn phân: A, T, G, X	Đơn phân: A, T, G, X												
2	<p>a. Khi quả lê chín, chất điều hòa tăng trưởng thực vật ethylen(C_2H_4) được tạo ra, ethylen kích thích tổng hợp enzyme cellulase phân hủy vách tế bào thúc nhanh quá trình chín của quả và có thể truyền tín hiệu đến các tế bào, quả lân cận.</p> <p>- Ethylen được vận chuyển qua màng bằng cách nào? Giải thích?</p> <p>- Thụ thể của ethylen nằm ở đâu trong tế bào? Giải thích?</p> <p>b. Epinephrin kích thích phân giải glycogen bằng cách hoạt hóa enzym glycogen phosphorylaza trong bào tương. Nếu epinephrin được trộn với glycogen phosphorylaza và glycogen trong ống nghiệm thì glucozo -1- phosphat có được tạo ra không? Tại sao?</p>	2,5 điểm												
a	<p>Khi quả lê chín, chất điều hòa tăng trưởng thực vật ethylen(C_2H_4) được tạo ra, ethylen kích thích tổng hợp enzyme cellulase phân hủy vách tế bào thúc nhanh quá trình chín của quả và có thể truyền tín hiệu đến các tế bào, quả lân cận.</p> <p>- Ethylen được vận chuyển qua màng bằng cách nào? Giải thích?</p> <p>+ Ethylen(C_2H_4) khuếch tán trực tiếp qua lớp phospholipid</p> <p>+ Vì ethylen là chất có kích thước nhỏ và không phân cực.</p> <p>- Thụ thể của ethylen nằm ở đâu trong tế bào? Giải thích?</p> <p>+ Thụ thể của ethylen nằm ở tế bào chất hoặc trong nhân.</p> <p>+ Vì ethylen là chất không phân cực, kích thước nhỏ nên khuếch tán trực tiếp qua lớp phospho lipid của màng sinh chất hoặc lớp màng kép của nhân.</p>	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p>												
b	Epinephrin kích thích phân giải glycogen bằng cách hoạt hóa enzym glycogen phosphorylaza trong bào tương. Nếu epinephrin được trộn với glycogen													

	<i>phosphorylaza và glycogen trong ống nghiệm thì glucozo -1- phosphat có được tạo ra không? Tại sao?</i>	
	<p>Glucozo -1- phosphat không được tạo ra</p> <p>Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hoạt hóa enzym cần tế bào nguyên vẹn với một thụ thể nguyên vẹn trên màng tế bào và một con đường truyền tin nguyên vẹn trong tế bào. - Sự tương tác với phân tử tín hiệu trong ống nghiệm không đủ trực tiếp hoạt hóa enzym. 	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
	<p><i>Các câu sau đúng hay sai. Nếu sai hãy chỉnh lại cho đúng.</i></p> <p><i>a. Nguyên nhân chính làm cho các thực vật không ưa mặn không có khả năng sinh trưởng trên những loại đất có nồng độ muối cao là do thế nước của đất quá cao.</i></p> <p><i>b. Vi khuẩn bị các tế bào bạch cầu thực bào và tiêu huỷ trong lizôxôm.</i></p> <p><i>c. Tế bào vi khuẩn có thể bị phá vỡ khi đưa vào dung dịch quá nhược trương.</i></p> <p><i>d. Tinh bột và xenlulozơ là nguồn nguyên liệu cung cấp năng lượng cho tế bào thực</i></p>	2,0 điểm
3	<p>a. Sai. Thế nước của đất quá thấp --> cây mất nước chứ không hút được nước--> chết. Do vậy <i>là do thế nước của đất quá cao.</i></p> <p>b. Sai. Vì vi khuẩn không chui vào lizôxôm mà chỉ nhờ enzym tiêu hoá trong lizôxôm phân huỷ.</p> <p>c. Sai. Tế bào vi khuẩn có thành tế bào sinh ra một áp suất trương nước(sức căng trương nước) giữ cho tế bào có hình dạng kích thước ổn định không bị phá vỡ.</p> <p>d. Sai. Tinh bột là nguồn nguyên liệu dự trữ cho tế bào thực vật, Xenlulzơ là thành phần cấu trúc thành tế bào thực vật.</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>

Lưu ý: HS trả lời theo cách khác nhưng đúng bản chất thì vẫn cho điểm tối đa